Biểu số: 01/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
Chủ động thi hành án
10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu		Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:										
			Dân sự	Hình sự			Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác
				Tổng số	Chia ra:								
					Ma tuý	Khác							
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Tổng số thụ lý**	**14,714**	**7,370**	**2,088**	**131**	**1,957**	**28**	**4,808**	**411**	**4**			**5**
1	Năm trước chuyển sang	4,649	3,087	1,053	68	985	2	245	258	4			
2	Mới thụ lý	10,065	4,283	1,035	63	972	26	4,563	153				5
II	**Ủy thác thi hành án**	**92**	**22**	**53**	**1**	**52**		**12**	**5**				
III	**Cục THADS rút lên thi hành**	**2**	**2**										
IV	**Tổng số phải thi hành**	**14,622**	**7,348**	**2,035**	**130**	**1,905**	**28**	**4,796**	**406**	**4**			**5**
1	**Có điều kiện thi hành**	**11,858**	**5,686**	**1,186**	**82**	**1,104**	**27**	**4,683**	**271**				**5**
1.1	Thi hành xong	8,977	3,695	835	51	784	26	4,279	137				5
1.2	Đình chỉ thi hành án	96	65	17		17		8	6				
1.3	Đang thi hành	2,649	1,817	315	31	284	1	390	126				
1.4	Hoãn thi hành án	93	91						2				
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án	14	8					6					
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.7	Trường hợp khác	29	10	19		19							
2	**Chưa có điều kiện thi hành**	**2,764**	**1,662**	**849**	**48**	**801**	**1**	**113**	**135**	**4**			
V	**Tỷ lệ %** = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%	76.51%	66.67%	75.89%	82.93%	71.01%	159.26%	91.37%	53.51%	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	100.00%

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG		
Chỉ tiêu		**Số lượng** (việc)
A		1
1	**Số hoãn thi hành án**	**93**
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm d khoản 1	93
1.4	Theo điểm đ khoản 1	
1.5	Theo điểm e khoản 1	
1.6	Theo điểm g khoản 1	
1.7	Theo khoản 2	
2	**Số tạm đình chỉ thi hành án**	**14**
2.1	Theo khoản 1	8
2.2	Theo khoản 2	6
3	**Trường hợp khác**	**29**
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	9
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	11
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	9
4	**Số đình chỉ thi hành án**	**96**
4.1	Theo điểm a khoản 1	3
4.2	Theo điểm b khoản 1	1
4.3	Theo điểm d khoản 1	3
4.4	Theo điểm đ khoản 1	
4.5	Theo điểm e khoản 1	86
4.6	Theo điểm g khoản 1	3
5	**Số chưa có điều kiện thi hành**	**2,764**
5.1	Theo điểm a khoản 1	2,725
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	39

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Trần Minh Tuấn

Hồ Ngọc Nhảnh

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc truong
Thời gian ký: 06.08.2018 10:50:21 +07:00

Biểu số: 02/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……./……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
Theo yêu cầu thi hành án
10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**
Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu		Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
			Dân sự	Hình sự			Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Số việc khác	Việc khác
				Tổng số	Chia ra:									
					Ma tuý	Khác								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	**Tổng số thụ lý**	**9,053**	**6,858**	**430**		**430**	**1**	**1,368**	**358**	**22**		**16**		
1	Năm trước chuyển sang	6,008	4,758	240		240	1	705	277	20		7		
2	Mới thụ lý	3,045	2,100	190		190		663	81	2		9		
II	**Ủy thác thi hành án**	**96**	**45**	**13**		**13**		**28**	**10**					
III	**Cục THADS rút lên thi hành**	**2**	**2**											
IV	**Tổng số phải thi hành**	**8,957**	**6,813**	**417**		**417**	**1**	**1,340**	**348**	**22**		**16**		
1	**Có điều kiện thi hành**	**6,256**	**4,752**	**229**		**229**	**1**	**993**	**262**	**16**		**3**		
1.1	Thi hành xong	1,393	985	66		66		296	33	12		1		
1.2	Đình chỉ thi hành án	311	236	9		9		58	7			1		
1.3	Đang thi hành	4,374	3,375	154		154	1	627	212	4		1		
1.4	Hoãn thi hành án	146	134					8	4					
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án	12	6					1	5					
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại													
1.7	Trường hợp khác	20	16					3	1					
2	**Chưa có điều kiện thi hành**	**2,701**	**2,061**	**188**		**188**		**347**	**86**	**6**		**13**		
V	**Tỷ lệ %** = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%	27.24%	25.69%	32.75%	#DIV/0!	32.75%		35.65%	15.27%	75.00%	#DIV/0!	66.67%	#DIV/0!	#DIV/0!

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU

Chỉ tiêu		Số lượng (việc)
A		1
1	**Số hoãn thi hành án**	**146**
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	6
1.3	Theo điểm c khoản 1	11
1.4	Theo điểm d khoản 1	125
1.5	Theo điểm đ khoản 1	4
1.6	Theo điểm e khoản 1	
1.7	Theo điểm g khoản 1	
1.8	Theo điểm h khoản 1	
1.9	Theo khoản 2	
2	**Số tạm đình chỉ thi hành án**	12
2.1	Theo khoản 1	7
2.2	Theo khoản 2	5
3	**Trường hợp khác**	20
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	14
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	3
3.3	sự	3
4	**Số đình chỉ thi hành án**	311
4.1	Theo điểm a khoản 1	7
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm c khoản 1	294
4.4	Theo điểm d khoản 1	8
4.5	Theo điểm đ khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	2
4.7	Theo điểm h khoản 1	
5	**Số chưa có điều kiện thi hành**	2,701
5.1	Theo điểm a khoản 1	2,662
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	39

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:50:42 +07:00

Biểu số: 03/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
Chủ động thi hành án
10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**
Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu		Tổng số	Chia theo bản án quyết định:										
			Dân sự	Dân sự trong hình sự			Dân sự trong hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác
				Tổng số	Chia ra:								
					Ma tuý	Khác							
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Tổng số thụ lý**	**87,239,924**	**48,022,035**	**22,227,197**	**850,230**	**21,376,967**	**14,300**	**5,658,245**	**11,302,465**	**15,677**			**5**
1	Năm trước chuyển sang	50,896,678	23,525,733	18,959,671	509,950	18,449,722	600	1,664,644	6,730,356	15,677			
2	Mới thụ lý	36,343,246	24,496,303	3,267,526	340,281	2,927,246	13,700	3,993,601	4,572,109				5
II	**Ủy thác thi hành án**	**863,498**	**419,398**	**257,444**	**27,550**	**229,894**		**6,338**	**180,318**				
III	**Cục THADS rút lên thi hành**	**25,434**	**25,434**										
IV	**Tổng số phải thi hành**	**86,376,426**	**47,602,637**	**21,969,753**	**822,680**	**21,147,073**	**14,300**	**5,651,907**	**11,122,147**	**15,677**			**5**
1	**Có điều kiện thi hành**	**53,331,024**	**34,397,527**	**6,210,387**	**375,680**	**5,834,707**	**14,100**	**5,027,648**	**7,681,357**				**5**
1.1	Thi hành xong	28,879,827	19,864,598	1,927,328	182,724	1,744,604	13,700	3,708,132	3,366,064				5
1.2	Đình chỉ thi hành án	849,493	403,043	58,699		58,699		71,163	316,588				
1.3	Giảm thi hành án	4,912		4,912		4,912							
1.4	Đang thi hành	22,440,502	13,332,262	4,090,030	192,956	3,897,074	400	1,248,353	3,769,457				
1.5	Hoãn thi hành án	675,330	620,702						54,628				
1.6	Tạm đình chỉ thi hành án	298,399	123,779						174,620				
1.7	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.8	Trường hợp khác	182,561	53,143	129,418		129,418							
2	**Chưa có điều kiện thi hành**	**33,045,402**	**13,205,110**	**15,759,366**	**447,001**	**15,312,364**	**200**	**624,257**	**3,440,791**	**15,677**			
V	**Tỷ lệ %** = (Xong+đình chỉ + giảm)/Có điều kiện *100%	**55.75%**	58.92%	32.06%	48.64%	30.99%	97.16%	75.17%	47.94%	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	100.00%

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG

Chỉ tiêu		Số lượng (1.000 VN đồng)
A		1
1	**Số hoãn thi hành án**	**675,330**
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	83,057
1.3	Theo điểm d khoản 1	592,273
1.4	Theo điểm đ khoản 1	
1.5	Theo điểm e khoản 1	
1.6	Theo điểm g khoản 1	
1.7	Theo khoản 2	
2	**Số tạm đình chỉ thi hành án**	298,399
2.1	Theo khoản 1	101,699
2.2	Theo khoản 2	196,700
3	**Trường hợp khác**	**182,561**
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	63,641
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	103,430
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	15,490
4	**Số đình chỉ thi hành án**	**849,493**
4.1	Theo điểm a khoản 1	11,150
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm d khoản 1	279,219
4.4	Theo điểm đ khoản 1	
4.5	Theo điểm e khoản 2	194,960
4.6	Theo điểm g khoản 1	364,164
5	**Số chưa có điều kiện thi hành**	**33,045,402**
5.1	Theo điểm a khoản 1	32,792,050
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	253,352

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:50:55 +07:00

Hồ Ngọc Nhảnh

Biểu số: 04/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
Theo yêu cầu thi hành án
10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu		Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:										
			Dân sự	Hình sự			Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác
				Tổng số	Chia ra:								
					Ma tuý	Khác							
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Tổng số thụ lý**	**2,217,014,827**	**978,616,754**	**132,013,009**		**132,013,009**	**1**	**44,854,676**	**1,039,214,845**	**1,382,860**		**20,932,683**	
1	Năm trước chuyển sang	1,273,727,215	661,806,231	37,838,941		37,838,941	1	19,521,268	552,677,880	1,312,486		570,408	
2	Mới thụ lý	943,287,612	316,810,522	94,174,068		94,174,068		25,333,408	486,536,965	70,374		20,362,275	
II	**Ủy thác thi hành án**	**69,089,463**	**19,028,205**	**2,756,958**		**2,756,958**		**4,160,510**	**42,999,814**	**143,976**			
III	**Cục THADS rút lên thi hành**	**589,820**	**589,820**										
IV	**Tổng số phải thi hành**	**2,147,925,365**	**959,588,549**	**129,256,051**		**129,256,051**	**1**	**40,694,166**	**996,215,031**	**1,238,884**		**20,932,683**	
1	**Có điều kiện thi hành**	**1,524,258,013**	**653,565,370**	**82,477,541**		**82,477,541**	**1**	**33,350,417**	**734,107,057**	**655,001**		**20,102,626**	
1.1	Thi hành xong	242,344,860	104,084,098	1,742,923		1,742,923		13,125,863	123,265,344	106,631		20,000	
1.2	Đình chỉ thi hành án	85,100,118	65,990,941	1,506,148		1,506,148		3,936,999	13,583,404			82,626	
1.3	Đang thi hành	1,110,026,063	433,359,273	79,228,470		79,228,470	1	15,823,703	561,066,246	548,370		20,000,000	
1.4	Hoãn thi hành án	54,885,340	33,738,672					292,981	20,853,687				
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án	28,997,938	14,035,307					100,001	14,862,630				
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.7	Trường hợp khác	2,903,694	2,357,078					70,870	475,746				
2	**Chưa có điều kiện thi hành**	**623,667,352**	**306,023,179**	**46,778,510**		**46,778,512**		**7,343,749**	**262,107,974**	**583,883**		**830,057**	
V	**Tỷ lệ %** = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%	**21.48%**	26.02%	**3.94%**	#DIV/0!	3.94%		51.16%	18.64%	16.28%	#####	0.51%	#DIV/0!

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU

Chỉ tiêu		Số lượng (1.000 VN đồng)
A		1
1	**Số hoãn thi hành án**	**54,885,340**
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	603,665
1.3	Theo điểm c khoản 1	770,005
1.4	Theo điểm d khoản 1	33,462,126
1.5	Theo điểm đ khoản 1	20,049,544
1.6	Theo điểm e khoản 1	
1.7	Theo điểm g khoản 1	
1.8	Theo điểm h khoản 1	
1.9	Theo khoản 2	
2	**Số tạm đình chỉ thi hành án**	**28,997,938**
2.1	Theo khoản 1	2,762,828
2.2	Theo khoản 2	26,235,111
3	**Trường hợp khác**	**2,903,694**
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	2,093,002
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	194,041
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	616,651
4	**Số đình chỉ thi hành án**	**85,100,118**
4.1	Theo điểm a khoản 1	331,762
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm c khoản 1	69,488,999
4.4	Theo điểm d khoản 1	7,237,765
4.5	Theo điểm đ khoản 1	10,494
4.6	Theo điểm g khoản 1	8,031,099
4.7	Theo điểm h khoản 1	
5	**Số chưa có điều kiện thi hành**	**623,667,352**
5.1	Theo điểm a khoản 1	622,455,450
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	1,211,902

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Trần Minh Tuấn

Hồ Ngọc Nhảnh

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:51:10 +07:00

Biểu số: 05/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……./……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
Thu cho Ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án
10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**
Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu		Tổng số	Chia theo đối tượng được thi hành án								
			Thu cho Ngân sách nhà nước							Thu cho tổ chức cơ quan, tổ chức	Thu cho cá nhân
			Tổng số	Chia ra:							
				Án phí	Lệ phí	Phạt	Tịch thu	Truy thu	Thu khác		
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	**Tổng số thụ lý**	**2,304,254,751**	**87,239,924**	**49,680,213**	**9,600**	**7,822,947**	**3,807,325**	**6,417,459**	**19,502,380**	**863,219,380**	**1,353,795,447**
1	Năm trước chuyển sang	1,324,623,893	50,896,678	34,093,537	-	7,346,377	3,177,210	5,992,526	287,028	535,003,681	738,723,534
2	Mới thụ lý	979,630,858	36,343,246	15,586,676	9,600	476,570	630,115	424,933	19,215,352	328,215,700	615,071,913
II	**Ủy thác thi hành án**	**69,952,961**	**863,498**	**712,666**	**-**	**61,950**	**34,280**	**4,116**	**50,486**	**45,287,238**	**23,802,225**
III	**Cục THADS rút lên thi hành**	**615,254**	**25,434**	**25,434**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**589,820**
IV	**Tổng số phải thi hành**	**2,234,301,791**	**86,376,426**	**48,967,547**	**9,600**	**7,760,997**	**3,773,045**	**6,413,343**	**19,451,894**	**817,932,143**	**1,329,993,222**
1	**Có điều kiện thi hành**	**1,577,589,037**	**53,331,024**	**29,392,530**	**9,600**	**2,848,341**	**1,316,691**	**338,275**	**19,425,588**	**595,682,682**	**928,575,331**
1.1	Thi hành xong	271,224,687	28,879,827	9,669,137	9,600	338,148	377,460	24,934	18,460,548	113,176,778	129,168,082
1.2	Đình chỉ thi hành án	85,949,611	849,493	761,732	-	28,340	2,900	-	56,521	26,504,839	58,595,279
1.3	Giảm thi hành án	4,912	4,912	-	-	4,912	-	-	-	-	-
1.4	Đang thi hành	1,132,466,565	22,440,502	17,933,334	-	2,375,241	922,971	313,341	895,615	420,086,225	689,939,838
1.5	Hoãn thi hành án	55,560,670	675,330	674,930	-	-	-	-	400	22,025,138	32,860,202
1.6	Tạm đình chỉ thi hành án	29,296,337	298,399	297,999	-	-	-	-	400	13,889,702	15,108,236
1.7	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Trường hợp khác	3,086,255	182,561	55,398	-	101,700	13,360	-	12,103	-	2,903,694
2	**Chưa có điều kiện thi hành**	**656,712,753**	**33,045,402**	**19,575,017**	**-**	**4,912,656**	**2,456,354**	**6,075,068**	**26,306**	**222,249,460**	**401,417,892**
V	**Tỷ lệ %** = (Xong+đình chỉ + giảm)/Có điều kiện *100%	**22.64%**	**55.75%**	35.49%	100.00%	13.04%	28.89%	7.37%	95.32%	23.45%	20.22%

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc truong
Thời gian ký: 06.08.2018 10:51:25 +07:00

Biểu số: 06/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành									Chưa có điều kiện thi hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành											
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:										
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
I	**TỔNG CỘNG**	**23,767**	**10,657**	**13,110**	**188**	**4**	**23,579**	**18,114**	**10,370**	**407**	**7,023**	**239**	**26**		**49**	**5,465**	**12,802**	**59.5%**	*2,188*
I	**Cục THADS tỉnh**	**472**	**236**	**236**	**8**		**464**	**360**	**238**	**5**	**115**	**2**				**104**	**221**	**67.50%**	*34*
1	Nguyễn Anh Tuấn	92	42	50	1		91	77	39	2	35	1				14	50	53.25%	*6*
2	Trần Minh Tuấn	5	3	2			5	4	3		1					1	2	75.00%	-
3	Đỗ Chung Thủy	20	13	7			20	18	7		11					2	13	38.89%	*2*
4	Đinh Ngọc On	69	24	45	2		67	53	41	2	10					14	24	81.13%	*6*
5	Đỗ Văn Nghĩa	100	49	51	2		98	73	46		27					25	52	63.01%	*7*
6	Đặng Thị Cẩm Hà	102	63	39			102	69	57	1	11					33	44	84.06%	*10*
7	Lê Trường	79	42	37	3		76	61	40		20	1				15	36	65.57%	*3*
8	Lê Anh Dũng	5		5			5	5	5									#######	-
II	**Chi cục THADS h. Cái Bè**	**4,101**	**2,019**	**2,082**	**14**		**4,087**	**2,972**	**1,508**	**109**	**1,338**	**15**	**2**			**1,115**	**2,470**	**54.41%**	*357*
1	Phạm Văn Phi	426	193	233	4		422	304	176	9	117	2				118	237	**60.86%**	*52*
2	Trần Hoàng An	329	137	192			329	247	141	5	100	1				82	183	**59.11%**	*18*
3	Đào Ngọc Thành	466	246	220	4		462	336	155	11	164	5	1			126	296	**49.40%**	*69*
4	Lê Văn Thái Ngọc	497	185	312			497	398	234	10	153	1				99	253	**61.31%**	*44*
5	Nguyễn Thị Phương	401	201	200	1		400	290	177	4	108	1				110	219	**62.41%**	*72*
6	Lê Văn Mong	2		2			2	2			2						2		-
7	Nguyễn Văn Khâm	575	308	267	1		574	373	183	9	181					201	382	**51.47%**	*16*
8	Nguyễn Việt Thắng	505	242	263	2		503	382	141	20	219	1	1			121	342	42.15%	-
9	Trương Phi Hùng	343	169	174	1		342	255	145	13	97					87	184	61.96%	-
10	Đặng Nghĩa Nhân	284	176	108	1		283	189	79	3	107					94	201	43.39%	*56*

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành									Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
			Chia ra:					Có điều kiện thi hành							Chưa có điều kiện thi hành			
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
11	Mai Thanh Bình	273	162	111			273	196	77	25	90	4				77	171	**52.04%**	*30*
III	**Chi cục THADS h. Cai Lậy**	**2,710**	**1,243**	**1,467**	**29**	**4**	**2,681**	**1,965**	**1,230**	**86**	**647**	**2**				**716**	**1,365**	**66.97%**	*209*
1	Nguyễn Thanh Danh	8		8	6		2	2	2									100%	-
2	Lê Hoàng Hiệp	431	199	232	6		425	314	198	21	95					111	206	**69.75%**	*14*
3	Lê Nhật Nam	494	140	354	8		486	406	261	6	139					80	219	**65.76%**	-
4	Lê Văn Dinh	397	215	182	3	4	394	277	152	20	105					117	222	**62.09%**	*16*
5	Võ Thị Hồng Tư	190	81	109	1		189	149	108	1	40					40	80	73.15%	*10*
6	Nguyễn Thị Mộng Thu	413	245	168	2		411	285	166	24	93	2				126	221	66.67%	*39*
7	Trần Văn Viên	435	178	257	1		434	269	173	3	93					165	258	65.43%	*118*
8	Nguyễn Ngọc Trang	342	185	157	2		340	263	170	11	82					77	159	**68.82%**	*12*
9	…																	**#DIV/0!**	-
IV	**Cục THADS huyện Châu Thành**	**3,060**	**1,618**	**1,442**	**3**		**3,057**	**2,201**	**1,206**	**24**	**910**	**49**	**12**			**856**	**1,827**	**55.88%**	*460*
1	Lê Thị Thùy	17	3	14			17	17	14		3						3	**82.35%**	-
2	Dương Đình Chinh	378	235	143	1		377	236	124	6	106					141	247	**55.08%**	*107*
3	Phan Thanh Nhân	373	209	164			373	267	150	4	111	2				106	219	**57.68%**	*67*
4	Nguyễn Chí Tâm	462	289	173			462	306	154	1	140	9	2			156	307	**50.65%**	*29*
5	Trần Đăng Khoa	457	220	237	2		455	343	198	9	102	34				112	248	60.35%	*29*
6	Nguyễn Trọng Thiên	408	221	187			408	309	147		160	2				99	261	47.57%	*64*
7	Nguyễn Thị Thanh Xuân	440	218	222			440	313	177	2	122	2	10			127	261	57.19%	*65*
8	Bùi Thị Mến	525	223	302			525	410	242	2	166					115	281	**60%**	*81*
9	…																	**#DIV/0!**	-
V	**Chi cục THADS tp. Mỹ Tho**	**2,910**	**1,336**	**1,574**	**31**		**2,879**	**2,103**	**1,240**	**34**	**795**	**3**	**7**		**24**	**776**	**1,605**	**60.58%**	*522*
1	Đỗ Thị Ái Thoa	7		7			7	7	7									100%	-
2	Trần Thị Thu Bình	478	231	247	2		476	331	204	5	119	1	2			145	267	**63.14%**	*123*
3	Võ Đức Nhân	481	237	244	4		477	334	210	2	121	1				143	265	**63.47%**	*44*

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành			
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:										
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
4	Lê Anh Quốc	639	249	390	10		629	464	273	9	182					165	347	60.78%	*127*
5	Tạ Thanh Tâm	398	187	211	9		389	300	167	4	126				3	89	218	57.00%	*37*
6	Lê Tuấn	414	230	184	6		408	295	164	5	114		3		9	113	239	57.29%	*99*
7	Nguyễn Khánh Linh	493	202	291			493	372	215	9	133	1	2		12	121	269	**60.22%**	*92*
8																		**#DIV/0!**	-
VI	**Chi cục THADS huyện Chợ Gạo**	**2,418**	**1,091**	**1,327**	**20**		**2,398**	**2,096**	**905**	**64**	**1,086**	**41**				**302**	**1,429**	**46.23%**	*220*
1	Nguyễn Phạm Đan Thùy	408	152	256			408	354	172	9	165	8				54	227	**51.13%**	*36*
2	Nguyễn Hoài Ân	274	117	157	11		263	244	140	2	102					19	121	**58.20%**	*13*
3	Trần Thị Mỹ Long	413	162	251	2		411	373	198	17	157	1				38	196	57.64%	*5*
4	Mai Minh Khương	454	196	258			454	402	190	17	183	12				52	247	51.49%	*45*
5	Lê Văn Minh	519	276	243	5		514	408	100	6	294	8				106	408	25.98%	*106*
6	Hứa Văn Bắc	15		15	1		14	14	12		2						2	**85.71%**	-
7	Lê Văn Nhựt	335	188	147	1		334	301	93	13	183	12				33	228	**35.22%**	*15*
VII	**Chi cục THADS huyện Gò Công Tây**	**1,575**	**565**	**1,010**	**7**		**1,568**	**1,265**	**778**	**4**	**370**	**89**			**24**	**303**	**786**	**61.82%**	-
1	Nguyễn Lâm Sơn	147	14	133			147	144	115		25	4				3	32	**79.86%**	-
2	Nguyễn Văn Vũ	373	190	183	1		372	296	124	2	108	61			1	76	246	42.57%	-
3	Đặng Văn Lợi	569	181	388	4		565	419	266	1	126	21			5	146	298	63.72%	-
4	Nguyễn Cẩm Tiên	486	180	306	2		484	406	273	1	111	3			18	78	210	**67.49%**	-
5	CHV5																	**#DIV/0!**	-
6	CHV6																	**#DIV/0!**	-
VIII	**Chi cục THADS TX. Gò Công**	**1,222**	**340**	**882**	**16**		**1,206**	**1,029**	**768**	**15**	**229**	**16**	**1**			**177**	**423**	**76.09%**	*131*
1	Phan Đình Toàn	89	3	86			89	89	78		11						11	87.64%	-

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành									Chưa có điều kiện thi hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành											
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:										
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
2	Nguyễn Thị Phương Lan	259	85	174	6		253	197	152	1	42	2				56	100	77.66%	*44*
3	Võ Anh Phương	575	145	430	4		571	510	377	8	111	14				61	186	**75.49%**	*49*
4	Phạm Văn Thành	299	107	192	6		293	233	161	6	65		1			60	126	**71.67%**	*38*
IX	**Chi cục THADS h. Gò Công Đông**	**1,188**	**393**	**795**	**31**		**1,157**	**1,040**	**736**	**11**	**292**		**1**			**117**	**410**	**71.83%**	*36*
1	Ngô Văn Lập	117	11	106			117	117	105	2	10						10	91.45%	*0*
2	Nguyễn Tấn Danh	548	184	364	19		529	487	340	4	142		1			42	185	70.64%	*17*
3	Nguyễn Hoàng Vũ	523	198	325	12		511	436	291	5	140					75	215	67.89%	*19*
4																		**#DIV/0!**	-
5	CHV5																	**#DIV/0!**	-
X	**Chi cục THADS huyện Tân Phước**	**1,450**	**555**	**895**	**15**		**1,435**	**1,180**	**664**	**14**	**495**	**5**	**2**			**255**	**757**	**57.46%**	*3*
1	Nguyễn Văn Trọn	131	17	114	1		130	124	94	3	25	2				6	33	**78.23%**	*3*
2	Phạm Mạnh Cường	408	182	226	1		407	313	207	1	102	3				94	199	**66.45%**	-
3	Đoàn Văn Phong	379	129	250	2		377	333	150	8	175					44	219	47.45%	-
4	Nguyễn Văn Hùng	532	227	305	11		521	410	213	2	193		2			111	306	52.44%	-
5																		#DIV/0!	-
6																		**#DIV/0!**	*17*
7																		**#DIV/0!**	-
XI	**Chi cục THADS h. Tân Phú Đông**	**645**	**165**	**480**			**645**	**572**	**369**	**8**	**194**	**1**				**73**	**268**	**65.91%**	-
1	TỪ KIM KHOẢNH	172	34	138			172	156	114		42					16	58	73.08%	-
2	NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG	66	5	61			66	66	32		34						34	48.48%	-
3	LÊ THÀNH DANH	407	126	281			407	350	223	8	118	1				57	176	**66.00%**	-
4																		**#DIV/0!**	-
XII	**Chi cục THADS thị xã Gò Lũy**	**2,016**	**1,096**	**920**	**14**		**2,002**	**1,331**	**728**	**33**	**552**	**16**	**1**		**1**	**671**	**1,241**	**57.18%**	*216*
1	Nguyễn Thị Kim Phượng	6		6			6	6	5		1						1	**83.33%**	-
2	Lê Tấn Hưng	365	196	169	2		363	283	139	15	129					80	209	**54.42%**	*52*

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành									Chưa có điều kiện thi hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành											
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:										
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
3	Phan Hoàng Giang	519	327	192	4		515	307	167	15	109	16				208	333	**59.28%**	*150*
4	Phạm Văn Tâm	454	246	208	3		451	284	163	2	118		1			167	286	**58.10%**	*153*
5	Nguyễn Hữu Phúc	616	326	290	3		613	399	213	1	184				1	214	399	**53.63%**	*63*
6	Nguyễn Thị Liễu Nga	56	1	55	2		54	52	41		11					2	13	**78.85%**	-
																		#DIV/0!	-

NGƯƠI LẠP BIEU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:51:46 +07:00

Biểu số: 07/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/T
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

10 tháng / năm 2018

Đơn vị báo cáo:
GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
			7					Có điều kiện thi hành												
									Chia ra:											
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
Tổng số		**2,304,254,751**	**1,324,623,893**	**979,630,858**	**69,952,960**	**615,254**	**2,234,301,791**	**1,577,589,037**	**271,224,687**	**85,949,611**	**4,912**	**1,132,466,565**	**55,560,670**	**29,296,337**		**3,086,255**	**656,712,754**	**1,877,122,581**	**22.6%**	**300,909,618**
I	**Cục THADS tỉnh**	**321,208,081**	**270,654,315**	**50,553,767**	**28,745,230**		**292,462,851**	**184,495,945**	**43,097,282**	**7,447,540**		**128,707,528**	**5,243,595**				**107,966,906**	**241,918,029**	**27.4%**	**20,960,789**
1	Nguyễn Anh Tuấn	65,012,837	33,897,519	31,115,318	9,982,191		55,030,646	37,010,730	2,546,838	664,339		28,803,631	4,995,922				18,019,916	51,819,469	8.7%	**1,284,505**
2	Trần Minh Tuấn	514,257	512,557	1,700			514,257	232,994	43,191			189,803					281,263	471,066	18.5%	-
3	Đỗ Chung Thủy	4,651,492	4,645,922	5,570			4,651,492	4,636,722	5,570			4,631,152					14,770	4,645,922	0.1%	**14,770**
4	Đinh Ngọc On	87,978,211	82,072,692	5,905,519	1,517,443		86,460,768	53,472,260	16,715,915	2,322,912		34,433,432	0				32,988,508	67,421,941	35.6%	**520,676**
5	Đỗ Văn Nghĩa	93,717,574	90,344,250	3,373,324	17,130,421		76,587,153	49,305,899	8,430,648	1,347,135		39,528,116					27,281,254	66,809,370	19.8%	**5,274,253**
6	Đặng Thị Cẩm Hà	40,112,525	33,506,026	6,606,499			40,112,525	15,028,505	7,989,216	2,233,394		4,805,895					25,084,020	29,889,915	68.0%	**13,138,245**
7	Lê Trường	29,220,234	25,675,348	3,544,886	115,125		29,105,109	24,807,935	7,365,004	879,760		16,315,499	247,672				4,297,174	20,860,345	33.2%	**728,340**
8	Lê Anh Dũng	950		950	50		900	900	900										100.0%	-
II	**Huyện Cái Bè**	**250,374,782**	**111,253,377**	**139,121,405**	**430,854**		**249,943,928**	**208,286,072**	**22,392,146**	**9,220,341**		**174,710,508**	**1,770,112**	**192,966**			**41,657,855**	**218,331,441**	**15.2%**	**8,143,846**
1	Phạm Văn Phi	17,964,542	14,172,184	3,792,358	17,150		17,947,392	13,181,183	2,865,140	281,831		10,010,699	23,513				4,766,209	14,800,421	23.9%	**2,578,789**
2	Trần Hoàng An	15,498,575	9,578,795	5,919,780			15,498,575	14,170,850	3,090,832	182,312		10,895,706	2,000				1,327,725	12,225,431	23.1%	**1,037,998**
3	Đào Ngọc Thành	25,754,017	13,767,071	11,986,946	389,100		25,364,917	17,343,601	2,200,311	257,884		13,666,765	1,031,063	187,579			8,021,316	22,906,723	14.2%	**1,461,966**
4	Lê Văn Thái Ngọc	32,675,063	10,076,490	22,598,573			32,675,063	29,822,777	5,699,302	1,763,509		22,256,236	103,730				2,852,286	25,212,252	25.0%	**397,918**
5	Nguyễn Thị Phương	84,386,549	10,097,682	74,288,867	16,800		84,369,749	78,072,489	2,966,914	1,003,816		73,935,759	166,000				6,297,260	80,399,019	5.1%	**1,920,045**
6	Lê Văn Mong	1,200		1,200			1,200	1,200				1,200						1,200		-
7	Nguyễn Văn Khâm	13,366,761	10,986,697	2,380,064	299		13,366,462	7,709,512	1,447,537	813,564		5,448,411					5,656,950	11,105,361	29.3%	**64,899**
8	Nguyễn Việt Thắng	29,056,416	17,405,449	11,650,967	3,495		29,052,921	21,145,619	830,029	1,548,256		18,744,047	17,900	5,387			7,907,302	26,674,636	11.2%	-
9	Trương Phi Hùng	10,526,386	8,724,149	1,802,237	650		10,525,736	8,627,307	1,035,302	1,121,762		6,470,243					1,898,429	8,368,672	25.0%	-
10	Đặng Nghĩa Nhân	9,531,024	7,177,319	2,353,705	3,360		9,527,664	7,441,192	1,603,465	171,677		5,666,050					2,086,472	7,752,522	23.9%	**510,504**

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
			7					Có điều kiện thi hành												
									Chia ra:											
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
11	Mai Thanh Bình	11,614,249	9,267,541	2,346,708			11,614,249	10,770,342	653,314	2,075,730		7,615,392	425,906				843,907	8,885,205	25.3%	**171,727**
III	**Huyện Cai Lậy**	**113,231,404**	**71,230,606**	**42,000,798**	**5,829,412**	**615,254**	**107,401,992**	**70,818,516**	**17,513,314**	**6,792,042**		**46,508,579**	**4,581**				**36,583,476**	**83,096,636**	**34.3%**	**6,816,284**
1	Nguyễn Thanh Danh	63,122		63,122	62,472		650	650	650										100.0%	-
2	Lê Hoàng Hiệp	8,812,193	6,862,844	1,949,349	51,850		8,760,343	5,771,788	1,637,773	133,758		4,000,257					2,988,555	6,988,812	30.7%	**232,341**
3	Lê Nhật Nam	17,020,502	7,495,104	9,525,398	1,615,807		15,404,695	10,900,884	3,234,461	322,823		7,343,600					4,503,811	11,847,411	32.6%	-
4	Lê Văn Dinh	19,980,146	14,028,486	5,951,660	301,744	615,254	19,678,402	13,074,448	2,614,315	2,224,537		8,235,596					6,603,954	14,839,550	37.0%	**458,062**
5	Võ Thị Hồng Tư	4,627,500	3,377,877	1,249,623	138,540		4,488,960	2,154,271	1,081,529	37,053		1,035,689					2,334,689	3,370,378	51.9%	**44,711**
6	Nguyễn Thị Mộng Thu	16,651,547	11,483,544	5,168,003	858,593		15,792,954	12,325,407	3,212,678	641,145		8,467,003	4,581				3,467,547	11,939,131	31.3%	**858,980**
7	Trần Văn Viên	18,385,431	9,752,559	8,632,872	843,725		17,541,706	8,745,087	3,036,562	349,385		5,359,140					8,796,619	14,155,759	38.7%	**5,025,897**
8	Nguyễn Ngọc Trang	27,690,963	18,230,192	9,460,771	1,956,681		25,734,282	17,845,981	2,695,346	3,083,341		12,067,294					7,888,301	19,955,595	32.4%	**196,293**
9	…																		#DIV/0!	-
IV	**Huyện Châu Thành**	**237,609,071**	**172,419,601**	**65,189,470**	**246,083**		**237,362,988**	**167,217,474**	**21,279,679**	**13,643,800**	**4,912**	**95,593,824**	**9,128,732**	**27,566,526**			**70,145,515**	**202,434,597**	**20.9%**	**18,928,880**
1	Lê Thị Thùy	16,466	8,865	7,601			16,466	16,466	7,601			8,865						8,865	46.2%	-
2	Dương Đình Chinh	26,597,590	20,324,202	6,273,388	10,000		26,587,590	20,545,662	1,264,763	8,505,544		10,775,355					6,041,928	16,817,283	47.6%	**3,017,218**
3	Phan Thanh Nhân	26,657,747	16,917,086	9,740,661			26,657,747	19,149,148	4,344,900	1,716,568		12,407,681	680,000				7,508,598	20,596,279	31.7%	**3,621,848**
4	Nguyễn Chí Tâm	26,853,304	20,332,360	6,520,944	1,200		26,852,104	20,958,096	941,590	479,549		15,812,979	2,521,792	1,202,186			5,894,008	25,430,964	6.8%	**172,553**
5	Trần Đăng Khoa	24,978,607	21,292,066	3,686,541	11,667		24,966,940	17,747,876	2,184,301	945,570		9,707,587	4,910,417				7,219,064	21,837,068	17.6%	**4,510,205**
6	Nguyễn Trọng Thiên	28,580,803	18,499,593	10,081,210			28,580,803	25,257,805	6,354,158	39,335	4,912	17,890,377	969,023				3,322,999	22,182,399	25.3%	**1,140,296**
7	Nguyễn Thị Thanh Xuân	82,855,110	60,005,257	22,849,854			82,855,110	49,480,542	3,374,418	808,126		18,886,158	47,500	26,364,340			33,374,569	78,672,567	8.5%	**3,327,778**
8	Bùi Thị Mến	21,069,444	15,040,173	6,029,271	223,216		20,846,228	14,061,879	2,807,949	1,149,108		10,104,822					6,784,349	16,889,171	28.1%	**3,138,982**
9								0				0					0			-
V	**TP. Mỹ Tho**	**361,783,941**	**225,072,469**	**136,711,472**	**17,197,421**		**344,586,520**	**267,552,519**	**74,468,492**	**18,850,896**		**150,978,633**	**21,208,133**	**1,116,755**		**929,610**	**77,034,001**	**251,267,132**	**34.9%**	**49,945,165**
1	Đỗ Thị Ái Thoa	2,400		2,400			2,400	2,400	2,400										100.0%	-
2	Trần Thị Thu Bình	90,711,586	54,422,381	36,289,205	1,380,907		89,330,679	73,965,165	33,160,880	704,309		39,347,766	204,000	548,210			15,365,514	55,465,490	45.8%	**14,200,367**
3	Võ Đức Nhân	58,014,485	18,987,215	39,027,270	429,315		57,585,170	42,304,357	4,544,237	7,581,393		10,154,696	20,024,031				15,280,812	45,459,540	28.7%	**4,622,118**

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
			7					Có điều kiện thi hành												
									Chia ra:											
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Lê Anh Quốc	96,530,833	82,630,281	13,900,552	2,683,116		93,847,717	78,949,771	19,988,856	2,032,498		56,928,417					14,897,946	71,826,363	27.9%	**9,554,978**
5	Tạ Thanh Tâm	38,342,733	12,188,446	26,154,287	6,408,525		31,934,208	29,179,727	11,305,860	1,230,640		16,024,770				618,457	2,754,481	19,397,708	43.0%	955,653
6	Lê Tuấn	43,443,107	33,693,396	9,749,711	6,295,558		37,147,549	19,658,527	3,405,193	194,474		15,475,225		568,145		15,490	17,489,022	33,547,882	18.3%	**12,985,586**
7	Nguyễn Khánh Linh	34,738,797	23,150,750	11,588,047			34,738,797	23,492,572	2,061,066	7,107,582		13,047,759	980,102	400		295,663	11,246,225	25,570,149	39.0%	**7,626,463**
8																			#DIV/0!	-
9																			#DIV/0!	-
VI	**Huyện Chợ Gạo**	**170,118,955**	**96,834,790**	**73,284,165**	**5,380,693**		**164,738,263**	**138,491,506**	**23,595,833**	**12,106,141**		**98,682,272**	**4,107,260**				**26,246,756**	**129,036,288**	**25.8%**	**20,154,482**
1	Nguyễn Phạm Đan Thùy	30,133,114	11,182,984	18,950,130			30,133,114	27,125,523	3,432,841	1,219,004		21,334,975	1,138,702				3,007,591	25,481,269	17.1%	**1,680,123**
2	Nguyễn Hoài Ân	12,887,929	7,730,564	5,157,365	1,113,939		11,773,990	11,186,503	3,845,372	1,564,268		5,776,863					587,487	6,364,350	48.4%	**442,020**
3	Trần Thị Mỹ Long	25,480,276	13,040,733	12,439,543	1,519,052		23,961,225	22,415,365	4,459,877	2,485,357		15,259,381	210,750				1,545,859	17,015,990	31.0%	**244,421**
4	Mai Minh Khương	34,440,838	22,389,736	12,051,102	1,566,918		32,873,920	28,830,403	5,484,751	1,179,897		21,473,425	692,330				4,043,518	26,209,272	23.1%	**2,502,953**
5	Lê Văn Minh	42,251,304	27,655,446	14,595,858	1,019,289		41,232,015	28,679,867	4,323,859	5,236,308		17,832,638	1,287,063				12,552,147	31,671,848	33.3%	**12,552,146**
6	Hứa Văn Bắc	17,023		17,023	200		16,823	16,823	11,120			5,703						5,703	66.1%	-
7	Lê Văn Nhựt	24,908,471	14,835,327	10,073,144	161,295		24,747,176	20,237,022	2,038,013	421,307		16,999,287	778,416				4,510,154	22,287,856	12.2%	**2,732,819**
VII	**Huyện Gò Công Tây**	**79,703,802**	**53,793,192**	**25,910,610**	**1,057,120**		**78,646,682**	**49,967,288**	**21,774,009**	**422,227**		**17,244,431**	**8,369,977**			**2,156,644**	**28,679,394**	**56,450,446**	**44.4%**	-
1	Nguyễn Lâm Sơn	1,767,410	1,306,766	460,644	343,971		1,423,439	1,410,389	395,981			991,463	22,945				13,050	1,027,458	28.1%	-
2	Nguyễn Văn Vũ	11,289,778	7,836,906	3,452,872	400		11,289,378	9,429,716	1,173,794	259,603		4,038,095	3,958,223			1	1,859,662	9,855,981	15.2%	-
3	Đặng Văn Lợi	30,461,072	14,711,739	15,749,333	560,972		29,900,100	15,940,067	3,023,923	98,000		7,622,160	4,238,309			957,675	13,960,033	26,778,177	19.6%	-
4	Nguyễn Cẩm Tiên	36,185,542	29,937,781	6,247,761	151,777		36,033,765	23,187,116	17,180,311	64,624		4,592,713	150,500			1,198,968	12,846,649	18,788,830	74.4%	-
5																			#DIV/0!	-
6	CHV6																		#DIV/0!	-
VIII	**Thị xã Gò Công**	**52,470,494**	**23,418,924**	**29,051,570**	**3,009,170**		**49,461,324**	**34,673,676**	**10,552,971**	**3,267,189**		**18,181,776**	**2,507,783**	**163,957**			**14,787,648**	**35,641,164**	**39.9%**	**3,654,699**
1	Phan Đình Toàn	59,250	600	58,650			59,250	59,250	52,650			6,600						6,600	88.9%	-
2	Nguyễn Thị Phương Lan	8,057,413	3,492,729	4,564,684	75,924		7,981,489	5,910,883	2,397,796	152,887		2,347,040	1,013,160				2,070,606	5,430,806	43.2%	**721,520**
3	Võ Anh Phương	20,999,241	9,622,919	11,376,322	2,234,446		18,764,795	15,608,024	4,137,806	1,931,572		8,044,023	1,494,623				3,156,771	12,695,417	38.9%	**1,900,897**

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển số theo dõi riêng
			7					Có điều kiện thi hành												
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:											
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Phạm Văn Thành	23,354,590	10,302,676	13,051,914	698,800		22,655,790	13,095,519	3,964,719	1,182,730		7,784,113		163,957			9,560,271	17,508,341	39.3%	**1,032,282**
IV	**Huyện Gò Công Đông**	**81,313,828**	**16,816,253**	**64,497,575**	**7,063,468**		**74,250,360**	**66,180,535**	**7,789,530**	**2,405,490**		**55,802,090**		**183,425**			**8,069,825**	**64,055,340**	**15.4%**	**0**
1	Ngô Văn Lập	532,162	195,267	336,895			532,162	532,162	370,649	157,050		4,463						4,463	99.2%	**0**
2	Nguyễn Tấn Danh	14,423,302	8,698,735	5,724,567	4,106,702		10,316,600	7,537,655	2,277,114	1,233,810		3,843,306		183,425			2,778,945	6,805,676	46.6%	**57,502**
3	Nguyễn Hoàng Vũ	66,358,364	7,922,251	58,436,113	2,956,766		63,401,598	58,110,718	5,141,767	1,014,630		51,954,321					5,290,880	57,245,201	10.6%	**541,977**
4																			#DIV/0!	-
5	CHV5																		#DIV/0!	-
X	**Huyện Tân Phước**	**310,862,024**	**29,280,987**	**281,581,037**	**208,509**		**310,653,515**	**297,541,754**	**12,108,461**	**7,018,483**		**277,506,084**	**903,488**	**5,238**			**13,111,761**	**291,526,571**	**6.4%**	**157,957**
1	Nguyễn Văn Trọn	262,309,968	3,979,504	258,330,464	8		262,309,960	262,024,525	216,902	2,798,645		258,157,490	851,488				285,435	259,294,413	1.2%	**157,957**
2	Phạm Mạnh Cường	12,892,690	7,703,186	5,189,504	116,358		12,776,332	9,166,789	2,513,111	3,169,974		3,431,704	52,000				3,609,543	7,093,247	62.0%	-
3	Đoàn Văn Phong	11,465,822	5,684,389	5,781,433	12,500		11,453,322	9,937,957	2,200,876	807,546		6,929,535					1,515,365	8,444,900	30.3%	-
4	Nguyễn Văn Hùng	24,193,544	11,913,908	12,279,636	79,643		24,113,901	16,412,483	7,177,572	242,318		8,987,355		5,238			7,701,418	16,694,011	45.2%	-
5																			#DIV/0!	-
6																			#DIV/0!	-
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**31,878,448**	**17,172,327**	**14,706,122**	**119,416**		**31,759,032**	**23,985,397**	**3,573,495**	**2,691,282**		**17,702,380**	**18,240**				**7,773,636**	**25,494,255**	**26.1%**	-
1	TỪ KIM KHOÀNH	4,728,680	3,540,305	1,188,374	101,936		4,626,744	3,971,349	632,624	55,505		3,283,220					655,395	3,938,615	17.3%	-
2	NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG	7,245,000	889,992	6,355,007	11,280		7,233,720	7,233,720	373,096	127,086		6,733,538						6,733,538	6.9%	-
3	LÊ THÀNH DANH	19,904,769	12,742,029	7,162,740	6,200		19,898,569	12,780,328	2,567,775	2,508,692		7,685,622	18,240				7,118,241	14,822,103	39.7%	-
4																			#DIV/0!	-
XII	**Thị xã Cai Lậy**	**293,699,921**	**236,677,053**	**57,022,868**	**665,585**		**293,034,336**	**68,378,355**	**13,079,475**	**2,084,180**		**50,848,460**	**2,298,769**	**67,470**		**1**	**224,655,981**	**277,870,681**	**22.2%**	**171,548,037**
1	Nguyễn Thị Kim Phượng	9,000		9,000			9,000	9,000	7,400			1,600						1,600	82.2%	-
2	Lê Tấn Hưng	13,578,847	9,736,913	3,841,934	63,200		13,515,647	9,984,953	2,952,060	486,800		6,546,093					3,530,694	10,076,787	34.4%	1,634,799
3	Phan Hoàng Giang	151,065,167	146,983,832	4,081,335	412,022		150,653,145	25,684,769	2,831,101	1,460,157		19,094,742	2,298,769				124,968,376	146,361,887	16.7%	121,564,391
4	Phạm Văn Tâm	20,151,519	16,157,782	3,993,737	2,000		20,149,519	12,418,546	1,805,605	37,196		10,508,275		67,470			7,730,973	18,306,718	14.8%	7,211,066

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
			7					Có điều kiện thi hành												
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:											
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5	Nguyễn Hữu Phúc	76,054,287	63,752,935	12,301,352	132,040		75,922,247	19,201,547	5,015,039	98,777		14,087,730				1	56,720,700	70,808,431	26.6%	41,137,781
6	Nguyễn Thị Liễu Nga	32,841,101	45,591	32,795,510	56,323		32,784,778	1,079,540	468,270	1,250		610,020					31,705,238	32,315,258	43.5%	-
																				-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:52:04 +07:00

Biểu số: 08/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

SỐ VIỆC ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN XÉT MIỄN, GIẢM VÀ KẾT QUẢ XÉT MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

10 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo: **Tổng cục**
Thi hành án dân sự
Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị		Tổng số việc và số tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự				Chia ra:							
						Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quản xét miễn				Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quả xét giảm			
		Tổng số đã đề nghị xét miễn, giảm		Tổng số đã xét miễn, giảm		Số đã đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đã đề nghị giảm		Số đã giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
Tổng số		**94**	**191,917**	**80**	**172,752**	**90**	**178,568**	**79**	**167,840**	**4**	**13,350**	**1**	**4,912**
I	**Cục THADs tỉnh**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	**Các Chi cục THADS**	**94**	**191,917**	**80**	**172,752**	**90**	**178,568**	**79**	**167,840**	**4**	**13,350**	**1**	**4,912**
1	Huyện Cái Bè	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Huyện Cai Lậy	41	99,665	41	99,664	41	99,665	41	99,664	-	-	-	-
3	Huyện Châu Thành	4	8,785	1	4,912	3	3,873	-	-	1	4,912	1	4,912
4	TP. Mỹ Tho	4	8,995	4	8,995	4	8,995	4	8,995	-	-	-	-
5	Huyện Chợ Gạo	10	15,471	2	1,395	7	7,034	2	1,395	3	8,438	-	-
6	Huyện Gò Công Tây	1	1,215	-	-	1	1,215	-	-	-	-	-	-
7	Thị xã Gò Công	6	14,739	6	14,739	6	14,739	6	14,739	-	-	-	-
8	Huyện Gò Công Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Huyện Tân Phước	1	547	-	547	1	547	-	547	-	-	-	-
10	Huyện Tân Phú Đông	1	1,250	-	1,250	1	1,250	-	1,250	-	-	-	-
11	Thị xã Cai Lậy	26	41,250	26	41,250	26	41,250	26	41,250	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:52:16 +07:00

Biểu số: 09/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 201513

Ngày nhận báo cáo

SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH TOÀ ÁN TUYÊN KHÔNG RÕ, CÓ SAI SÓT, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN ĐÃ YÊU CẦU GIẢI THÍCH, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT QUẢ TRẢ LỜI CỦA TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN

10 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:

CTHADS TỈNH TIỀN GIANG

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính Việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị		Số việc, tiền trong bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã có văn bản yêu cầu đính chính, giải thích và kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền								Số việc, tiền cơ quan thi hành án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền					
		Số việc				Số tiền				Số việc			Số tiền		
		Tổng số việc đã đề nghị đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số tiền đã đề nghị đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền		Số tiền trong các bản án, quyết định có căn cứ giám đốc thẩm, tái thẩm	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền	
			Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị		Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
Tổng số		**12**	**4**	**1**	**7**	**272,045**	**147,685**	**2,263**	**122,097**	**2**	**-**	**2**	**350,001**	**-**	**350,001**
1	**Cục THADS tỉnh**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
II	**Các Chi cục THADS**	**12**	**4**	**1**	**7**	**272,045**	**147,685**	**2,263**	**122,097**	**2**	**-**	**2**	**350,001**	**-**	**350,001**
1	Huyện Cái Bè	2	-	-	2	23,513	-	-	23,513	-	-	-	-	-	-
2	Huyện Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Huyện Châu Thành	3	-	-	3	68,714	-	-	68,714	-	-	-	-	-	-
4	TP. Mỹ Tho	2	-	-	2	29,870	-	-	29,870	-	-	-	-	-	-
5	Huyện Chợ Gạo	3	3	-	-	147,684	147,684	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Huyện Gò Công Tây	1	-	1	-	2,263	-	2,263	-	-	-	-	-	-	-
7	Thị xã Gò Công	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	1
8	Huyện Gò Công Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Huyện Tân Phước	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	350,000	-	350,000
10	Huyện Tân Phú Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Thị xã Cai Lậy	1	1	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:52:28 +07:00

Biểu số: 10/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 201513
Ngày nhận báo cáo

SỐ VIỆC CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN KHÔNG HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG VÀ CÓ HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG
10 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN
Đơn vị nhận báo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**
Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị		Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Số việc đã ra quyết định cưỡng chế						Kết quả cưỡng chế		
			Chia ra:						Số việc đương sự tự nguyện thi hành trước khi cưỡng chế	Số việc cưỡng chế thành công	Số việc cưỡng chế không thành công
			Số việc cưỡng chế không huy động lực lượng	Số việc cưỡng chế có huy động lực lượng							
				Tổng số việc cưỡng chế có huy động lực lượng	Số việc huy động lực lượng dưới 10 người	Số việc huy động lực lượng từ 10 đến dưới 20 người	Số việc huy động lực lượng từ 20 đến dưới 50 người	Số việc huy động lực lượng từ 50 người trở lên			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
Tổng số		**317**	**275**	**42**	**34**	**3**	**4**	**1**	**6**	**309**	**2**
I	**Cục THA tỉnh TG**	**11**	**10**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**11**	**0**
II	**Các Chi cục THADS**	**306**	**265**	**41**	**34**	**3**	**4**	**0**	**6**	**298**	**2**
1	Huyện Cái Bè	21	21	0	0	0	0	0	0	21	0
2	Huyện Cai Lậy	9	7	2	1	1	0	0	1	8	0
3	Huyện Châu Thành	47	38	9	9	0	0	0	0	47	0
4	Thành phố Mỹ Tho	11	7	4	4	0	0	0	0	10	1
5	Huyện Chợ Gạo	53	51	2	0	0	2	0	2	50	1
6	Huyện Gò Công Tây	74	73	1	0	0	1	0	0	74	0
7	Thị xã Gò Công	21	2	19	19	0	0	0	2	19	0
8	Huyện Gò Công Đông	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0
9	Huyện Tân Phước	48	46	2	0	2	0	0	0	48	0
10	Huyện Tân Phú Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thị xã Cai Lậy	21	19	2	1	0	1	0	1	20	0

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:52:41 +07:00

Biểu số: 11/TK-THA
Ban hành kèm theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:

KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng Cục Thi hành án dân sự
Đơn vị tính: Việc, đơn

Tên đơn vị		Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận (Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
					Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết							Tổng số	Chia ra:				
								Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS			Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác									
									Chia ra:			Chia ra;								
		Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số khiếu nại hành vi và quyết định của Chấp hành viên	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số	Số chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số chuyển cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm		Số đình chỉ	Số khiếu nại đúng toàn bộ	Số khiếu nại đúng một phần	Số khiếu nại sai toàn bộ	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		**139**	**0**	**139**	**139**	**0**	**139**	**75**	**61**	**14**	**64**	**0**	**64**	**0**	**75**	**16**	**10**	**5**	**38**	**6**
I	**Cục Thi hành án DS**	**86**		86	86		86	22	8	14	64		64		22	3		1	14	4
II	**Các Chi cục THADS**	**53**	**0**	**53**	**53**	**0**	**53**	**53**	**53**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**53**	**13**	**10**	**4**	**24**	**2**
1	Chi cục THADS huyện Cái Bè	**13**		13	13		13	13	13		0				13		3		10	
2	Chi cục THADS h. Cai Lậy	**3**		3	3		3	3	3		0				3	2			1	
3	Chi cục THADS h. Tân Phước	**3**		3	3		3	3	3		0				3			1	2	
4	Chi cục THADS h. Châu Thành	**10**		10	10		10	10	10		0				10	3	4	1	2	
5	Chi cục THADS h. Chợ Gạo	**4**		4	4		4	4	4		0				4	1		1	2	
6	Chi cục THADS h. Gò Công Đông	**0**		0	0		0	0			0				0	0				
7	Chi cục THADS h. Gò Công Tây	**5**		5	5		5	5	5		0				5	2			3	
8	Chi cục THADS TX. Gò Công	**2**		2	2		2	2	2		0				2			1	1	
9	Chi cục THADS h. Tân Phú Đông	**0**			0			0			0				0					
10	Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho	**12**		12	12		12	12	12		0				12	5	3		2	2
11	Chi cục THADS TX Cai Lậy	**1**		1	1		1	1	1		0				1				1	

Tiền Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018
NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:52:54 +07:00

Biểu số: 12/TK-THA
Ban hành kèm theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:

TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng Cục Thi hành án dân sự
Đơn vị tính: việc và đơn

Tên đơn vị		Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận(Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
					Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết								Chia ra:				
								Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS			Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác									
			Chia ra:			Chia ra:			Chia ra:				Chia ra:								
		Tổng số đơn tiếp nhận	Số đơn năm trước chuyển sang	Số đơn mới nhận	Tổng số việc	Số việc năm trước chuyển sang	Số việc mới nhận	Tổng số việc	Số việc tố cáo hành vi và quyết định của CHV	Số tố cáo hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số việc	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Tổng số	Số đình chỉ	Số tố cáo đúng toàn bộ	Số tố cáo đúng một phần	Số tố cáo sai toàn bộ	Số tố cáo chưa giải quyết chuyển kỳ sau
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		**3**	**0**	**3**	**3**	**0**	**3**	**2**	**1**	**1**	**1**	**0**	**1**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**2**	**0**
I	**Cục Thi hành án DS**	**2**		2	**2**		2	1		1	**1**		1		**1**				1	
II	**Các Chi cục THADS**	**1**	**0**	**1**	**1**	**0**	**1**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**
1	Chi cục THADS huyện Cái Bè	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
2	Chi cục THADS h. Cai Lậy	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
3	Chi cục THADS h. Tân Phước	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
4	Chi cục THADS h. Châu Thành	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
5	Chi cục THADS h. Chợ Gạo	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
6	Chi cục THADS h. Gò Công Đông	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
7	Chi cục THADS h. Gò Công Tây	**1**		1	**1**		1	1	1		**0**				**1**				1	
8	Chi cục THADS TX. Gò Công	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
9	Chi cục THADS h. Tân Phú Đông	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
10	Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho	**0**			**0**			0			**0**				**0**					
11	Chi cục THADS TX Cai Lậy	**0**			**0**			0			**0**				**0**					

Tiền Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018
NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:53:08 +07:00

Biểu số: 13/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……...…

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

10 tháng/năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo……
……
Đơn vị nhận báo cáo……...
……...……

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị		Số biên chế được giao	Số biên chế đã thực hiện																Số biên chế chưa thực hiện
			Tổng số	Chia ra:															
				Chấp hành viên trong đó:			Thẩm tra viên trong đó:			Thư ký THA trong đó:		Chuyên viên trong đó:			Cán sự và tương đương	Kế toán	Thống kê viên	Công chức khác	
				Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	TTrVCC	TTrVC	TTr viên	Trung cấp	Thư ký	CVCC	CVC	CV					
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số		**197**	**189**	**1**	**12**	**62**	**0**	**1**	**17**	**11**	**44**	**0**	**1**	**16**	**2**	**18**	**0**	**4**	**8**
I	**Cục Thi hành án DS**	**31**	**30**	1	4	5		1	2	2	3		1	7	1	3			**1**
II	**Các Chi cục THADS**	**166**	**159**	**0**	**8**	**57**	**0**	**0**	**15**	**9**	**41**	**0**	**0**	**9**	**1**	**15**	**0**	**4**	**7**
1	Chi cục THADS huyện Cái Bè	**23**	**23**		1	10			2		7					2		1	**0**
2	Chi cục THADS huyện Cai Lậy	**16**	**16**		2	6			2		4					2			**0**
3	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	**14**	**14**		1	5			1		4			1		2			**0**
4	Chi cục THADS huyện Tân Phước	**12**	**12**		1	3			1	2	3					2			**0**
5	Chi cục THADS huyện Châu Thành	**22**	**21**		1	7			2	2	5			3		1			**1**
6	Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho	**20**	**19**		1	6			1		5			4		1		1	**1**
7	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	**17**	**17**			7			2	1	4			1		1		1	**0**
8	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	**13**	**11**		1	3			1	1	4					1			**2**
9	Chi cục THADS thị xã Gò Công	**10**	**9**			4			1	1	1					1		1	**1**
10	Chi cục THADS huyện Gò Công Đông	**11**	**9**			3			1	2	2					1			**2**
11	Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông	**8**	**8**			3			1		2				1	1			**0**

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Văn Dũng

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc truong
Thời gian ký: 06.08.2018 10:53:20 +07:00

Biểu số: 14/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……..…

TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo…….....……
……
Đơn vị nhận báo cáo…....……..…..
……

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị		Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn							Chia theo số được đào tạo, bồi dưỡng về nghề, chính trị, quản lý nhà nước									
			Chia ra:																
			Số công chức trên đại học		Số công chức đại học		Số công chức trung cấp		Số công chức khác	Quản lý NN trong đó:			Chính trị trong đó:			Chấp hành viên	Thẩm tra viên	Thư ký	Khác
			Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác		CC	CVC	CV	CC	TC	SC				
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng cộng		**189**	**2**	**0**	**163**	**20**	**1**	**1**	**2**	**0**	**25**	**117**	**22**	**24**	**14**	**18**	**2**	**0**	**0**
I	**Cục Thi hành án DS**	**30**	1		23	6					11	16	8	2		2	1		
II	**Các Chi cục THADS**	**159**	**1**	**0**	**140**	**14**	**1**	**1**	**2**	**0**	**14**	**101**	**14**	**22**	**14**	**16**	**1**	**0**	**0**
1	Chi cục THADS huyện Cái Bè	**23**			21				2		1	17		4	2	1			
2	Chi cục THADS huyện Cai Lậy	**16**			14	2					2	11	1	2					
3	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	**14**	1		11	2					2	8	1	1		1			
4	Chi cục THADS huyện Tân Phước	**12**			10	1		1			1	8	3	1		1			
5	Chi cục THADS huyện Châu Thành	**21**			19	2					2	9		7					
6	Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho	**19**			17	2					3	7	3		1	3	1		
7	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	**17**			16	1					1	16	3	2	2	2			
8	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	**11**			10	1						6	1	3	5	3			
9	Chi cục THADS thị xã Gò Công	**9**			8	1					1	7		2		2			
10	Chi cục THADS huyện Gò Công Đông	**9**			8	1					1	5	1		1	2			
11	Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông	**8**			6	1	1					7	1		3	1			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Văn Dũng

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Minh Tuấn

Người ký: Trần Minh Tuấn
Email: tuantm.tgg@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, Bộ Tư pháp
Chức vụ: Pho Cuc trương
Thời gian ký: 06.08.2018 10:53:46 +07:00

Biểu số: 15/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 201513
Ngày nhận báo cáo

SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN GIÁM SÁT
10 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**
Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Cuộc giám sát

Tên đơn vị		Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát				Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
Tổng số		**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**
I	**Cục THA tỉnh TG**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
II	**Các Chi cục THADS**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**
1	Huyện Cái Bè	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Huyện Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Thành phố Mỹ Tho	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Huyện Chợ Gạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Huyện Gò Công Tây	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thị xã Gò Công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Huyện Gò Công Đông	1	0	1	0	0	0	1	1	0	0
9	Huyện Tân Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Huyện Tân Phú Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thị xã Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

Biểu số: 16/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……

SỐ CUỘC KIỂM SÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM SÁT
10 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
CTHADS TỈNH TIỀN GIANG
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: Cuộc

Tên đơn vị		Tổng số	Chia theo cơ quan kiểm sát				Chia theo kết quả kiểm sát					
			Chia ra:					Chia ra:				
			Viện KSND tối cao	Viện KSND cấp cao	Viện KSND cấp huyện	Viện KSND cấp tỉnh	Tổng số	Số kháng nghị đúng được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị không đúng không được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị có đúng và không đúng được cơ quan THA chấp nhận một phần	Số không có kháng nghị	Số có văn bản kiến nghị
A		*1*	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
Tổng số		**19**			**15**	**4**	**19**				**3**	**16**
I	**Cục THA tỉnh TG**	**2**				**2**	**2**					**2**
II	**Các Chi cục THADS**	**17**			**15**	**2**	**17**				**3**	**14**
1	Huyện Cái Bè	1			1		1					1
2	Huyện Cai Lậy	1			1		1					1
3	Huyện Châu Thành	1			1		1					1
4	Thành phố Mỹ Tho	2			1	1	2					2
5	Huyện Chợ Gạo	2			2		2					2
6	Huyện Gò Công Tây	2			2		2				1	1
7	Thị xã Gò Công	2			2		2					2
8	Huyện Gò Công Đông	1			1		1					1
9	Huyện Tân Phước	1				1	1					1
10	Huyện Tân Phú Đông	2			2		2				2	
11	Thị xã Cai Lậy	2			2		2					2

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

Biểu số: 17/TK-THA

Ban Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BT
ngày ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày Ngày nhận báo cáo:……....

SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH KHÁNG NGHỊ VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ KHÁNG NGHỊ CỦA TOÀ ÁN VÀ VIỆN KIỂM SÁT

10 tháng / năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:

CTHADS TỈNH TIỀN GIANG

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị		Tổng số		Chia ra:															
				Số việc và số tiền do Tòa án kháng nghị								Số việc và số tiền do Viện kiểm sát kháng nghị							
		Số việc bị kháng nghị	Số tiền bị kháng nghị	Số việc và số tiền bị kháng nghị		Số việc và số tiền bị kháng nghị đã được giải quyết						Số việc và số tiền bị kháng nghị		Số việc và số tiền bị kháng nghị đã được giải quyết					
				Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận		Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận	
						Số việc	*Số tiền*	*Số việc*	*Số tiền*	*Số việc*	*Số tiền*			*Số việc*	*Số tiền*	*Số việc*	*Số tiền*	*Số việc*	*Số tiền*
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
Tổng số		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Cục THA tỉnh TG**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
II	**Các Chi cục**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Huyện Cái Bè	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Huyện Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Thành phố Mỹ Tho	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Huyện Chợ Gạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Huyện Gò Công Tây	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thị xã Gò Công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Huyện Gò Công Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Huyện Tân Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Huyện Tân Phú Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thị xã Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Ngọc Nhảnh

Biểu số: 18/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……...…

SỐ VIỆC, SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2018

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Gia
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng Cục Thi hành án dân sự
Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng

Tên đơn vị		Số việc và số tiền bồi thường của Nhà nước trong THADS được thụ lý						Kết quả giải quyết			
		Tổng số		Chia ra:				Số việc, số tiền đã xét bồi thường		Số việc, số tiền chưa xét bồi thường	
				Số năm trước chuyển sang		Số thụ lý mới					
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Cục Thi hành án DS**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Các Chi cục THADS**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi cục THADS huyện Cái Bè	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chi cục THADS huyện Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi cục THADS huyện Tân Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi cục THADS huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi cục THADS huyện Gò Công Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi cục THADS thị xã Gò Công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tiền Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2018
NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Ngọc Hảo